

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 12 – 12 – 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quách Thị Hồng Ngọc

Ông Nguyễn Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 370/4, ấp N, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: Chị Trần Thị Diễm P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 370/4, ấp N, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H và chị P sau thời gian quen biết, tìm hiểu khoảng 06 tháng thì tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc vào ngày 25/10/2002. Sau kết hôn vợ chồng sống bên gia đình cha mẹ vợ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2017 phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, không có tiếng nói chung, không còn tôn trọng lẫn nhau, anh H nghi ngờ chị P có tình cảm với người đàn ông khác. Vì vậy, hai bên thống nhất làm giấy tay tự nguyện ly hôn. Mặc dù, làm giấy tự nguyện ly hôn nhưng vợ chồng vẫn sống chung nhà, anh H vẫn tạo mọi điều kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn lại tình cảm.

Tuy nhiên, đến năm 2018 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng hơn, chị P đi đâu không nói, có khi đi đến chiều tối mới về, anh H hỏi thì vợ chồng cự cãi, chị P cho rằng anh H không có tư cách để hỏi chị nên anh H bỏ về nhà riêng của vợ chồng ở xã Tân Khánh Đông sống còn chị P và các con tiếp tục ở nhà của cha mẹ chị P. Đến tháng 9/2019, chị P về nhà yêu cầu anh H đưa giấy kết hôn để làm thủ tục ly hôn, anh H không đưa nên chị P đập phá đồ đạc trong nhà. Sau đó thì chị P và các con về sống chung với anh H, vợ chồng bỏ qua chuyện cũ, chung sống bình thường.

Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2020 lại xảy ra mâu thuẫn, chị P nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên lấy điện thoại cá nhân của anh H để kiểm tra tin nhắn, cuộc gọi. Cho rằng bản thân mình không làm gì sai trái nên chị P muốn xem thì xem, anh H không có ý kiến. Nhưng cách nay khoảng 02 tháng anh H có để điện thoại của mình ở nhà cho con gái nhỏ sử dụng. Chị P mở điện thoại của anh H, lấy hình ảnh nhạy cảm mà anh H chụp chung với 01 người bạn nữ gửi cho bạn bè chung của vợ chồng làm ảnh hưởng đến uy tín của anh H.

Nay anh H nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với chị P, tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hòa giải, anh H yêu cầu được ly hôn chị P. Trường hợp, Tòa án bác đơn thì anh H cũng không đồng ý sống chung với chị P.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên Nguyễn Đình Trâm A, sinh năm 2003 và Nguyễn Đình G, sinh ngày 13/8/2008. Khi ly hôn anh H yêu cầu nuôi con chung tên G, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu A đã trưởng thành, có khả năng nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh H không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Diễm P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P thống nhất theo lời trình bày của anh H về thời gian tìm hiểu, chung sống, tổ chức đám cưới và kết hôn.

Sau kết hôn, để thuận tiện cho các con đi học nên vợ chồng chung sống bên nhà cha mẹ của chị P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn cự cãi về kinh tế, tiền bạc. Do thu nhập của anh H không đủ để trang trải cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình, nên chị P phải đi

làm để phụ tiếp kinh tế cùng anh H. Sau khi chị P đi làm, có thêm thu nhập nên kinh tế gia đình cũng tạm ổn. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2017 vợ chồng tiếp tục cự cãi, do chị P đi chơi với bạn bè, để điện thoại trong cốp xe nên anh H gọi không nghe, chị P cũng có gọi cho anh H nhưng không được. Sau đó, vợ chồng gây gỗ anh H có làm giấy tự nguyện ly hôn. Do nóng giận nên chị P đồng ý ký tên.

Mặc dù, làm giấy tự nguyện ly hôn nhưng vợ chồng vẫn sống chung nhà. Nhưng đến cuối năm 2018, vợ chồng tiếp tục cự cãi, nên anh H bỏ về nhà riêng của chồng ở Tân Khánh Đông sống, bỏ mặc con cái không quan tâm, lo lắng. Sau đó chị P có gặp anh H để trao đổi về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con nhưng anh H im lặng không trả lời, chị P nóng giận có đập bình trà, ly và đề nghị ly hôn nhưng sau đó chị vẫn đưa các con về chung sống với anh H.

Vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng năm 2022 lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, chị P kiểm tra điện thoại của anh H, thấy có những tin nhắn qua lại với người phụ nữ khác với những nội dung vượt quá giới hạn bạn bè, chị P hỏi thì anh H nói nhắn chơi. Mâu thuẫn trầm trọng là cách nay khoảng 02 tháng, chị P thấy trong điện thoại của anh H có hình ảnh nhạy cảm của anh H chụp chung với người phụ nữ khác nên chị P có gửi cho một người bạn chung của vợ chồng, anh H biết được nên nộp đơn ly hôn.

Nay về tình cảm chị P xác định còn thương anh H nên không đồng ý ly hôn. Mặc dù, biết khi anh H nộp đơn đến Tòa thì tình nghĩa không còn, nhưng chị vẫn hy vọng anh H cho chị cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên Nguyễn Đình Trâm A, sinh năm 2003 và Nguyễn Đình P Giao, sinh ngày 13/8/2008. Trường hợp ly hôn chị P đồng ý để anh H nuôi con chung tên G, chị P không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu A đã trưởng thành, có khả năng nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị P không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại Hôn tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị cho anh H và chị P ly hôn; Về nuôi con chung giao cháu Nguyễn Đình G, sinh ngày 13/8/2008 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh H không yêu cầu chị P không cấp dưỡng nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình H khởi kiện yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ‘Tranh chấp Hôn nhân gia đình về ly hôn’. Bị đơn chị Trần Thị Diễm P cư trú tại thành phố Sa Đéc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Đình H về việc yêu cầu ly hôn chị Trần Thị Diễm P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh H và chị P chung sống vào năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc vào ngày 25/10/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị P được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hợp nên hai bên thống nhất làm giấy tay tự nguyện ly hôn. Mặc dù, làm giấy tự nguyện ly hôn nhưng vợ chồng vẫn sống chung nhà. Năm 2018, mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng xảy ra gây gổ anh H bỏ về nhà riêng sống. Đến cuối năm 2019, thì chị P và các con về sống chung với anh H, bỏ qua chuyện cũ, vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do chị P nghi ngờ anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và lấy hình ảnh nhạy cảm mà anh H chụp chung với 01 người bạn nữ trong điện thoại gửi cho bạn bè chung của vợ chồng, anh H cho rằng chị P làm vậy đã ảnh hưởng đến uy tín của mình và hạnh phúc gia đình của người bạn nữ nên nộp đơn yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị P diễn ra trong thời gian dài từ 2017 đến nay, đã nhiều lần có cơ hội hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích. Do đó, việc anh H yêu cầu ly hôn chị P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị P chung sống có hai con chung tên Nguyễn Đình Trâm A, sinh năm 2003 và Nguyễn Đình G, sinh ngày 13/8/2008. Khi ly hôn, anh H và chị P thỏa thuận giao cháu Nguyễn Đình G cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về phía cháu G cũng có nguyện vọng được sống chung với anh H. Do đó, việc anh H, chị P thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu G nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị P không trực nuôi

con có quyền nghĩa vụ đến thăm con, không ai được quyền cản trở. Đối với con chung tên Nguyễn Đình Trâm A đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh H và chị P không có tranh chấp yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh H và chị P khai không có, không tranh chấp yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đ.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại Hôn tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ như đã nhận định nêu trên

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình H về việc yêu cầu ly hôn. Cho anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị Diễm P ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Đình G, sinh ngày 13/8/2008 cho anh Nguyễn Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Anh Nguyễn Đình H không yêu cầu chị Trần Thị Diễm P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị Diễm P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị Diễm P đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Anh Nguyễn Đình H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) là 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Nguyễn Đình H đã nộp ngày 05/10/2023 theo biên lai thu số 0003210 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh DT;
- VKS ND TPSTĐ;
- THA Dân sự TPSTĐ;
- UBND phường Tân Quy Đông, TPSTĐ
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN-CHỦ TOẠ HÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy